

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT



GIÁO TRÌNH

VĂN HỌC HIỆN ĐẠI TRUNG QUỐC

VŨ MINH TIẾN

MỤC LỤC

MỤC LỤC	2
PHẦN I : GIAI ĐOẠN 1919 – 1927	4
Chương I : BỐI CẢNH LỊCH SỬ VÀ TÌNH HÌNH VĂN HỌC	4
I. Bối cảnh lịch sử	4
1. Cuộc Ngũ tứ vận động (4-5-1919).	5
2. Sự thành lập Đảng cộng sản Trung Quốc.	5
3. Cuộc Ngũ táp vận động (30-5-1925).	5
4. Tưởng thẳng tay đàn áp phong trào Cách mạng do Đảng Cộng sản lãnh đạo.	5
II. Tình hình văn học.....	6
1. Cách mạng văn học Ngũ tứ và sự phát triển của nó.....	6
2. Sáng tác văn học.....	15
Chương II : TÁC GIẢ VÀ TÁC PHẨM	28
I. Lỗ Tấn.....	28
1. Sự nghiệp sáng tác của Lỗ Tấn.....	28
2. Truyện ngắn Lỗ Tấn.....	34
3. Tập văn.....	51
II. Quách Mạt Nhược	60
1. Sự phát triển về tư tưởng và hoạt động văn học.....	60
2. Nữ thần.....	65
3. Các tập thơ Tiền mao, Khôi phục.....	67
4. Kịch và tiểu thuyết thời kỳ đầu.....	69
PHẦN II : GIAI ĐOẠN 1928 – 1937.....	71
Chương I : BỐI CẢNH LỊCH SỬ VÀ TÌNH HÌNH VĂN HỌC	71
I. Bối cảnh lịch sử	71
II. Tình hình văn học.....	71
1. Phong trào văn học Cách mạng vô sản và liên minh các nhà văn cánh tả ở Trung Quốc.	71
2. Sáng tác văn học.....	82
Chương II : TÁC GIẢ TÁC PHẨM	97
I. Mao Thuần	97
1. Sự phát triển tư tưởng và những sáng tác thời kỳ đầu	97
2. Nửa đêm.....	101
II. Ba Kim.....	103
III. Lão Xá.....	105
IV. Tào Ngưu.....	108
PHẦN III : GIAI ĐOẠN 1938 – 1949	111
Chương I : BỐI CẢNH LỊCH SỬ VÀ TÌNH HÌNH VĂN HỌC	111
I. BỐI CẢNH LỊCH SỬ	111
1. Cuộc kháng chiến chống sự xâm lược của phát xít Nhật.....	111
2. Nội chiến.....	112
II. Tình hình văn học.....	112
Chương II : TÁC GIẢ VÀ TÁC PHẨM.....	115
I. Mao Thuần (tiếp).....	115
II. Ba Kim (tiếp)	116

III. Lão Xá (tiếp)	116
IV. Thẩm Tông Văn.....	117
V. Đinh Linh	118
VI. Triệu Thụ Lý (1905 – 1969).....	118
VII. Ca Kịch Bạch Mao Nữ (Giải thưởng Staline – 1952).....	119
VIII. Lý Quý	120
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	121

TaiLieu.vn

PHẦN I : GIAI ĐOẠN 1919 – 1927

CHƯƠNG I : BỐI CẢNH LỊCH SỬ VÀ TÌNH HÌNH VĂN HỌC

I. Bối cảnh lịch sử

Lịch sử hiện đại Trung Quốc được đánh dấu bằng cuộc chiến tranh Nha phiến (1840), đất nước phong kiến mấy ngàn năm bắt đầu cuộc chuyển mình dữ dội, kéo dài hơn một thế kỷ, trải qua biết bao đau khổ và tủi nhục, mãi cho đến năm 1949, nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa được thành lập.

Nhân chuyện một người Anh buôn bán thuốc phiện bị bắt, chính phủ Anh lấy cớ gây ra cuộc chiến tranh với triều đình Mãn Thanh, sử thường gọi là cuộc chiến tranh Nha phiến. Trung Hoa đại bại, ký điều ước Nam Kinh, phải cắt Hương Cảng cho Anh độc quyền và mở năm thương cảng cho người Anh được vào buôn bán đó là: Quảng Châu, Hạ Môn, Phúc Châu, Ninh Ba, Thượng Hải.

Tiếp theo là liên quân Anh Pháp tấn công Thiên Tân, Bắc Kinh. Trung Hoa lại phải ký điều ước Bắc Kinh (1860) mở thêm bảy thương khẩu nữa, cho phép các giáo sĩ và thương nhân châu Âu lưu thông khắp nơi, cho Âu Mỹ hưởng quyền lãnh sự tài phán.

Theo chân Anh, các nước Nga, Nhật, Đức thi nhau xâm xé Trung Quốc. Triều đình Mãn Thanh nhục nhã cắt hết đất này đến đất khác. Trung Quốc trở thành bán thuộc địa của đế quốc: Đông Tam Tỉnh¹ thuộc Nga, Sơn Đông thuộc Đức, Phúc Kiến thuộc Nhật, lưu vực sông Dương Tử thuộc Anh, Hoa Nam thuộc Pháp.

Nhân dân trong nước vô cùng bất mãn, đứng dậy lật đổ triều đình Mãn Thanh, tiêu biểu là hai cuộc khởi nghĩa Bạch Liên giáo và Thái Bình Thiên quốc (1851-1864). Năm 1894 xảy ra cuộc chiến tranh với Nhật về vụ Triều Tiên. Trung Hoa đại bại, nhượng cho Nhật nam bộ Phụng Thiên, bán đảo Liêu Đông và đảo Đài Loan. Nhật Bản trước đây vẫn bị coi là nước man di ngoài biển Đông, vậy mà mới duy tân được hơn hai chục năm (1868) mà đã thắng Trung Quốc. Sự kiện này đã làm chấn động khắp đất nước. Trước tình hình đó, Trung Quốc muốn tồn tại chỉ có con đường duy tân. Vua Quang Tự xuống chiếu duy tân (1898), nhưng công cuộc duy tân đó chỉ tồn tại 100 ngày bị Viên Thế Khải phản bội, Từ Hi thái hậu thẳng tay đàn áp. Năm 1900 xảy ra phong trào Nghĩa Hoà đoàn. Từ Hi thái hậu lợi dụng phong trào đó để diệt Dương (tức diệt các người châu Âu). Liên quân tám nước (Anh, Pháp, Đức, Ý, Mỹ, Nhật, Áo, Nga) tấn công vào Bắc Kinh. Vua Quang Tự bỏ Bắc Kinh chạy trốn, rồi ký hoà ước Tân Sửu (1901) nhận cho tám nước được phép đặt quân đội phòng thủ sứ quán và đường giao thông từ Bắc Kinh ra đến cửa biển.

Cũng trong năm 1898, cuộc vận động duy tân thất bại, Tôn Văn thành lập Hưng Trung hội ở Hoa Kỳ, lấy dân tộc chủ nghĩa (chống đế quốc) và dân quyền chủ nghĩa (phản phong kiến) làm tôn chỉ để thực hiện cách mạng. Nghĩa là ông không phải chỉ duy tân mà còn lật đổ chế độ phong kiến.

Tôn Văn tự là Dật Tiên, hiệu là Trung Sơn, sinh trong một gia đình trung lưu ở Quảng Đông, theo đạo Kitô, hồi nhỏ học trong nước, sau qua đảo Hawaii, học trong một trường Anh và đậu bác sĩ, Hưng Trung hội được các giới tân học, thương nhân, kỹ nghệ gia ủng hộ. Năm 1899 ông về nước, tính bạo động nhưng thất bại, phải trốn sang Nhật rồi chu du khắp châu Âu, khảo sát về kinh tế, chính trị, văn hoá.

Năm 1905, Nga thua Nhật, gây một tiếng vang dữ dội khắp châu Á. Dân tộc Trung Hoa lại càng mong lật đổ triều đình Mãn Thanh để duy tân như nước Nhật. Hưng Trung hội được hai đảng khác gia

¹ Ba tỉnh miền đông bắc Trung Quốc là: Hắc Long Giang, Cát Lâm và Liêu Ninh – tức Mãn Châu quốc cũ.

nhập, đổi tên là Đồng minh hội, tức là Quốc dân đảng ngày nay. Tôn Văn nhân dịp đó lại muốn thực hiện cách mạng một lần nữa nhưng lại thất bại.

Tháng ba năm 1911 cách mạng nổ ra ở Quảng Châu, bị thất bại; ngày *song thập* năm đó cách mạng lại nổ ra ở Vũ Xương và giành được thắng lợi: sử gọi là cuộc cách mạng Tân Hợi. Triều đình Mãn Thanh cử Viên Thế Khải tiến đánh cách mạng, nhưng Khải phản Thanh mà hợp tác với Tôn Văn, ép vua Phổ Nghi thoái vị, chấm dứt chế độ phong kiến ở Trung Quốc. Tôn Văn nhường chức tổng thống cho Viên Thế Khải để Nam-Bắc thống nhất. Nhưng Viên Thế Khải ngấm ngầm tìm cách xây dựng lực lượng riêng, bắt ép Quốc hội tôn Khải làm hoàng đế. Nhân dân bất bình nổi dậy khắp nơi, quân Khải thua, quốc hội buộc y thoái vị. Khải chết 1916.

Sau khi Viên Thế Khải chết ở miền Bắc, tình hình hết sức rối loạn: các thế lực tranh giành quyền lợi, đánh nhau liên miên, nhân dân vô cùng cực khổ. Ở miền Nam, năm 1921, Tôn Văn lên làm tổng thống, đặt thủ phủ ở Quảng Châu. Năm 1925 ông được bốn quân phiệt phía Bắc mời lên bàn việc nước; ông tới Bắc Kinh không được bao lâu thì mất (3-1925). 6-1927 Tưởng tiến hành Bắc phạt thành công. Trong thời gian này xã hội Trung Quốc xảy ra nhiều biến cố lịch sử xã hội ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến văn học.

1. Cuộc Ngũ tứ vận động (4-5-1919).

Chiến tranh thế giới (1914-1918) kết thúc, phái đoàn của Trung Quốc hoàn toàn thất bại tại hội nghị Pari. Các nước Đồng minh không trả lại cho Trung Quốc một tí quyền lợi nào, bởi vì năm 1916, chính phủ của Khải đã ký mật ước với Nhật thừa nhận quyền lợi của Nhật ở Sơn Đông. Nhân dân cả nước phẫn nộ. Ngày 4-5-1919, ba ngàn học sinh sinh viên Bắc Kinh rầm rộ biểu tình. Phong trào được các giáo sư rồi giới công thương ủng hộ. Đến cuối tháng 6, chính phủ phải nhượng bộ: thả những học sinh bị bắt, bãi chức những tên bán nước.

2. Sự thành lập Đảng cộng sản Trung Quốc.

Thời kỳ này chủ nghĩa Mác được truyền bá vào Trung Quốc khá mạnh. Năm 1917 cách mạng vô sản Nga thành công càng kích lệ phong trào cách mạng Trung Quốc. Ngày 1-7-1921 các tổ chức Đảng cộng sản ở Trung Quốc họp đại biểu ở Thượng Hải thành lập ra Đảng cộng sản. Đảng cộng sản ở Trung Quốc ra đời đã giương cao ngọn cờ lãnh đạo cách mạng Trung Quốc: cách mạng dân chủ nhân dân và cách mạng tư tưởng văn hoá.

3. Cuộc Ngũ tấp vận động (30-5-1925).

Một công nhân trong một xưởng dệt của Nhật ở Thượng Hải bị một nhân viên Nhật bắn chết. Học sinh và công nhân làm lễ truy điệu và biểu tình phản đối. Cảnh sát Anh bắn vào đoàn biểu tình làm mười hai người bị chết và bảy người bị thương. Nhân dân khắp nơi phẫn nộ, công nhân đình công, dân chúng tẩy chay hàng hoá của ngoại quốc. Ở Thượng Hải, phong trào kéo dài một năm rưỡi, gây chấn động khắp thế giới, làm tê liệt mọi hoạt động của Anh tại Hoa Nam và Hương Cảng.

4. Tưởng thẳng tay đàn áp phong trào Cách mạng do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Tôn Văn còn sống, ông chủ trương liên Nga, liên Cộng, cho những người cộng sản tham gia vào trong chính phủ. Sau khi ông mất, Tưởng thi hành chính sách thanh Cộng, dựa hẳn vào sự ủng hộ của Mỹ và phương Tây. 12-4-1926, Tưởng đàn áp dã man ở Thượng Hải, hàng ngàn người bị giết. Cuối năm 1927, Tưởng đàn áp dã man phong trào cách mạng ở Quảng Châu, bốn ngàn đảng viên bị giết.

Bị đàn áp dữ dội, Đảng cộng sản lui vào hoạt động bí mật, củng cố lực lượng, thành lập những đạo hồng quân nhỏ, ở lẻ tẻ, huấn luyện kỹ càng, trang bị đầy đủ, thành lập chính quyền Xô viết địa phương, tiến hành cách mạng ruộng đất.

II. Tình hình văn học

1. Cách mạng văn học Ngũ tứ và sự phát triển của nó.

a. Cuộc vận động văn hoá mới Ngũ tứ và cách mạng văn học.

Cuộc vận động văn hoá mới Ngũ tứ và cách mạng văn học là sự mở đầu vĩ đại của lịch sử văn học hiện đại Trung Quốc.

Ngay từ những năm trước Ngũ tứ, trong giới trí thức Trung Quốc đã xuất hiện phong trào “khải mộng tư tưởng” (phong trào ánh sáng).

Tân thanh niên (quyển 1, nguyên tên *Thanh niên tạp chí*) là một ấn phẩm quan trọng ra đời nhằm đáp ứng yêu cầu của cuộc vận động khai mộng. Tháng 9 năm 1915, *Tân thanh niên* ra số đầu tiên ở Thượng Hải giương cao ngọn cờ chống văn hoá phong kiến. Bài *Kính cáo thanh niên* đăng số đầu tiên nêu cho thanh niên sáu điều mong ước “tự do chứ không phải nô lệ”, “tiến bộ chứ không phải bảo thủ”, “tiến thủ chứ không phải thoái lui”, “mở cửa chứ không bế quan”, “văn chương chân thực chứ không sáo rỗng”, “khoa học chứ không phải tưởng tượng”. *Tân thanh niên* công kích mãnh liệt học thuyết Khổng Tử, đẩy lên làn sóng sau này là “Đả đảo Khổng gia điểm”. Trong các bài *Bác bỏ thư Khang Hữu Vi gửi tổng thống, Thủ tướng, Hiến pháp và Khổng giáo, Đạo của Khổng Tử và cuộc sống hiện đại*, Trần Độc Tú cho rằng Khổng giáo và đế chế có duyên phận không thể phân chia, tam cương ngũ thường trái với học thuyết nhân quyền bình đẳng, đạo Khổng Tử không hợp với cuộc sống hiện tại, đưa Khổng giáo lên làm “Quốc giáo” là trái với nguyên tắc tự do tư tưởng, tự do tín ngưỡng, chủ trương đem học thuyết nhân quyền bình đẳng của nước ngoài vào thay cho đạo của Khổng Tử cũng tức là nói phải lấy dân chủ tư sản thay cho chuyên chế phong kiến, lấy đạo đức mới của tư sản thay cho đạo đức cũ của phong kiến. Lý Đại Chiêu lúc ấy là người dân chủ cấp tiến, cũng đã tham gia vào cuộc đấu tranh này, đăng trên tờ báo hàng ngày *Giáp Dần* những bài *Khổng Tử và hiến pháp, Quan niệm luân lý tự nhiên vào Khổng Tử*, phản đối việc đưa Khổng giáo vào hiến pháp, vạch rõ học thuyết của Khổng Tử là “lá bùa hộ mệnh của chế độ chuyên chế của các triều đại đế vương”, “là linh hồn của chính trị chuyên chế”, và việc mở rộng đề cao Khổng Tử thành việc phê phán toàn bộ luân lý phong kiến, nêu rõ vấn đề đạo đức phải tiến hoá theo thời đại. Phản đối tư tưởng cũ, đạo đức cũ và đề xướng tư tưởng mới, đạo đức mới, là hai nội dung không thể tách rời trong công tác phổ cập tư tưởng, được tiến hành đồng thời trên tờ *Tân thanh niên*. Học thuyết tự do bình đẳng và tư tưởng “giải phóng cá tính”, quan điểm tiến hoá xã hội của giai cấp tư sản được quán triệt trong nhiều bài viết và thư từ viết về vấn đề thanh niên, phụ nữ, nhân sinh, giáo dục và các vấn đề hôn nhân, gia đình khác, trở thành vũ khí tư tưởng chống lại đạo đức cũ, giúp cho nhiều người dần dần thoát khỏi sự ràng buộc của tư tưởng phong kiến.

Đồng thời với việc chống đạo đức cũ, đề xướng đạo đức mới, *Tân thanh niên* còn nêu lên lần đầu tiên phong trào cải cách văn học lấy việc phản đối văn ngôn¹, đề xướng bạch thoại², phản đối văn học cũ, đề xướng văn học mới làm nội dung.

¹ Ngôn ngữ sách vở lấy cổ Hán ngữ làm cơ sở thịnh hành từ Ngũ tứ (1919) trở về trước.

² Bạch thoại là Hán ngữ hiện đại, hình thành trên cơ sở khẩu ngữ, thịnh hành từ thời sau Ngũ tứ.

Phong trào văn hoá mới lấy *Tân thanh niên* làm trận địa chính từ sau 1918, nhất là sau phong trào yêu nước Ngũ tứ năm 1919, có bước phát triển mới có những biến đổi to lớn, từ chỗ trước đây tư tưởng tư sản chiếm địa vị chủ đạo, về sau tư tưởng vô sản dần chiếm ưu thế.

Năm 1917, cách mạng tháng Mười mở ra kỷ nguyên mới trong lịch sử loài người, có ảnh hưởng sâu sắc và to lớn đối với phong trào cách mạng các nước, đồng thời soi sáng con đường tiến lên của nhân dân Trung Quốc. Bắt đầu lấy thế giới quan của giai cấp vô sản làm công cụ quan sát vận mệnh đất nước, suy nghĩ lại con đường thoát của dân tộc, hướng nhìn của họ từ phương Tây tư bản đã bắt đầu chuyển sang nước Nga Xô viết. Lý Đại Chiêu là đại biểu xuất sắc. Tháng 7 năm 1918, ông viết bài *So sánh cách mạng Pháp và Nga* đăng trên tập san *Ngôn tri*, chỉ rõ cách mạng tháng Mười không giống với cách mạng tư sản Pháp, mà là “cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa đầu tiên” đáng được “ngẩng cao đầu chào đón”. Tháng 11 năm đó ông lại đăng tiếp hai bài trên *Tân thanh niên*: *Thắng lợi của dân nghèo* và *Thắng lợi của chủ nghĩa Bôn-sê-vích* đã phân tích đúng đắn cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ nhất và mối quan hệ của nó với phong trào cách mạng vô sản, nhiệt liệt ca ngợi Cách mạng tháng Mười, tin tưởng rằng: “Tương lai trên trái đất sẽ là một thế giới cờ đỏ”. Ông chỉ ra cho nhân dân Trung Quốc cần phải tiến lên theo con đường mà Cách mạng tháng Mười đã mở.

Lỗ Tấn, người đặt nền móng cho văn học hiện đại Trung Quốc cũng đã từ trong “ánh lười lê sắc lửa nguội dần” của cách mạng nước Nga, nhìn thấy “sắc trời sáng rõ, ánh bình minh của kỷ nguyên mới”¹. *Tân thanh niên*² từ Thượng Hải chuyển đến Bắc Kinh. Lý Đại Chiêu, Lỗ Tấn, Tiền Huyền Đồng, Lưu Bán Nông, Thẩm Quân Mặc, Cao Nhất Hàm, Hồ Thích ... kẻ trước người sau tham gia công tác biên tập. Lấy *Tân thanh niên* làm hạt nhân, thực tế đã hình thành mặt trận thống nhất văn hoá mới bao gồm ba bộ phận: những phần tử trí thức bước đầu có tư tưởng cộng sản, những phần tử trí thức tiểu tư sản cách mạng và những phần tử trí thức tư sản, đoàn kết nhiều tri thức cùng đấu tranh với văn hoá phong kiến. Cách mạng văn học lúc này có bước phát triển mới, bắt đầu từ số 5 quyển 5 (tháng 5 năm 1918) *Tân thanh niên* hoàn toàn dùng văn bạch thoại, thơ bạch thoại tăng nhiều thêm, đồng thời xuất hiện những tác phẩm văn học mới triệt để chống phong kiến lấy tiểu thuyết của Lỗ Tấn làm đại biểu, có đầy đủ những yêu cầu để thức tỉnh dân tộc. Lý Đại Chiêu, Trần Độc Tú lập ra *Bình luận hàng tuần*, do Lý Đại Chiêu chấp bút, phân tích tình hình mới của cách mạng vô sản thế giới lúc ấy, xác định nhân dân Trung Quốc phải đi theo ánh hào quang của cuộc cách mạng đó. Trên số 16 đã dịch đăng một phần *Tuyên ngôn Đảng cộng sản*. Lý Đại Chiêu, Thái Nguyên Bồi cùng chủ trì cho ra đồng thời hai tạp chí *Quốc dân*, *Tân trào* vào tháng 1-1919. *Quốc dân* là tạp chí của cơ quan Hội học sinh cứu quốc, lấy việc chống đế quốc Nhật xâm lược làm nội dung tuyên truyền. *Tân trào* là tạp chí có tính chất tổng hợp của một bộ phận thầy trò Bắc Kinh, đoàn kết nhiều nhà văn hoá mới và người làm công tác phiên dịch, đăng không ít bài viết và tác phẩm văn học mới chống lễ giáo phong kiến, ca ngợi phong trào văn hoá mới và cách mạng văn học, *Thần báo* của Hội nghiên cứu hiến pháp cải tổ trang thứ bảy (phụ san), với sự tác động của những người như Lý Đại Chiêu, trở thành một trong những phụ san nổi tiếng tuyên truyền văn hoá mới.

Việc triển khai phong trào văn hoá mới và cách mạng văn học gặp phải sự chống đối và lảng mạ của các nhân vật phái thủ cựu. Tháng 3, Lưu Sư Bồi, Hoàng Khản ... cho ra nguyệt san *Quốc cố*, lấy cái gọi là “Phát triển học thuật vốn có của Trung Quốc” làm tôn chỉ, phản đối văn hoá mới. Lâm Thự tự gọi là “lấy hơi tàn lực kiệt cố giữ lấy đạo”, đã viết *Thư gửi Thái Hạc Khanh thái sử, Bàn về ảnh hưởng qua*

¹Bàn về nhân dân dân chủ chuyên chính – Mao Trạch Đông tuyển tập, sđd, trang 1408, quyển 4.

²Sau khi Viên Thế Khải thất bại, mùa đông năm 1916, Thái Nguyên Bồi về nước, được bổ nhiệm làm hiệu trưởng trường đại học Bắc Kinh, mời Trần Độc Tú làm trưởng Văn khoa của trường. Ban biên tập *Tân thanh niên* vì thế cũng dời đến Bắc Kinh. Sau Ngũ tứ, vì chính phủ quân phiệt đàn áp, lại dời về Thượng hải.

lại giữa cổ văn và bạch thoại, công kích các nhân vật phái mới “đánh đổ Khổng Tử, dẹp bỏ luân thường”, ra sức chê cười văn bạch thoại. In hai truyện ngắn bằng văn ngôn *Kinh sinh*, *Yêu mộng* trên *Tân thân báo* ở Thượng Hải, ám chỉ, biểu giễu những người đề xướng lãnh đạo văn học mới, mong sao xuất hiện bậc “đại trượng phu” chặn đứng phong trào văn hoá mới. Về việc này, mặt trận văn hoá mới kiên quyết phản kích. *Tân thanh niên* số 1 quyển 6 đăng bài *Thư trả lời vụ án của bốn báo*, chĩa mũi nhọn vào những lời đồn đại, giáng trả quyết liệt vào những nhân vật cũ, chính thức đưa ra khẩu hiệu “Ủng hộ hai ông Dân chủ và Khoa học”, tỏ rõ “Nếu vì ủng hộ hai vị này mà chính phủ đàn áp, xã hội công kích chửi bới thì ngay cả đầu rơi máu chảy, cũng không từ nan”. Bài viết *Cuộc kịch chiến giữa hai trào lưu tư tưởng mới cũ của Lý Đại Chiêu* vạch trần âm mưu của bọn Lâm Thự, mưu đồ mượn thế lực quân phiệt để thực hiện đàn áp bằng vũ trang. Trên *Bình luận hàng tuần*, một chuyên mục đặc biệt lấy tiêu đề “Dư luận đối với trào lưu tư tưởng cũ và mới” chuyên đăng những ý kiến của các báo chí lúc đó ủng hộ phong trào văn hoá mới. Lỗ Tấn châm biếm và đả kích phái thủ cựu bằng một loạt bài tạp văn. Trong cuộc kịch chiến giữa hai dòng tư tưởng mới cũ này vào đêm trước Ngũ tứ, mặt trận thống nhất văn hoá mới đã tỏ rõ vai trò tích cực của nó.

Đây là phong trào yêu nước Ngũ tứ làm cho bọn đế quốc và quân phiệt phong kiến phải kinh sợ. “Ý nghĩa lịch sử to lớn của phong trào Ngũ tứ ở chỗ nó mang tư thế mà Cách mạng Tân Hợi không hề có. Đó là tinh thần triệt để chống đế quốc, chống phong kiến không chút thoả hiệp”¹. Từ đó, giai cấp vô sản Trung Quốc bước lên vũ đài chính trị, bức màn cách mạng dân chủ mới do giai cấp vô sản lãnh đạo đã mở ra.

Mao Trạch Đông ngay từ năm 1918 đã tổ chức Tân dân học hội đoàn kết tầng lớp trí thức cách mạng Hồ Nam, triển khai cuộc đấu tranh chống quân phiệt; sau Ngũ tứ không lâu lại sáng lập *Tương giang bình luận*, đăng bài *Cuộc tập hợp lớn của quần chúng* và nhiều bài khác tuyên truyền tư tưởng dựa vào quần chúng nhân dân để tiến hành cuộc cách mạng triệt để phản đế phản phong, kêu gọi đi theo con đường của Cách mạng tháng Mười. Ở Thượng Hải, các tập san *Bình luận hàng tuần*, *Dân quốc nhật báo*, phụ san *Giác ngộ* của Quốc dân đảng do Tôn Trung Sơn đứng đầu chỉ đạo và ủng hộ, cũng xuất hiện trong cao trào Ngũ tứ. Ngoài ra các đoàn thể như Giác ngộ xã của Chu Ân Lai thành lập ở Thiên Tân, Lợi quần thư xã do Hồn Đại Anh thành lập ở Vũ Xương, các tập san như tuần san *Cuộc sống mới*, nguyệt san *Anh bình minh*, tuần san *Xã hội mới*, đều đoàn kết và có ảnh hưởng rất nhiều đến thanh niên trí thức đang hăng hái theo đuổi trào lưu tư tưởng mới.

Sau phong trào Ngũ tứ, dân chủ và khoa học vẫn là ngọn cờ quan trọng của cuộc vận động văn hoá mới, đồng thời việc truyền bá tư tưởng xã hội chủ nghĩa đã trở thành một trào lưu không gì ngăn cản được. Việc tuyên truyền giới thiệu học thuyết Mác chiếm vị trí nổi bật nhất sau Ngũ tứ. Dưới sự đề xướng và chỉ đạo của Lý Đại Chiêu, tháng 3-1920, đại học Bắc Kinh thành lập Hội nghiên cứu học thuyết Mác. Khuynh hướng tư tưởng của bản thân *Tân thanh niên* biến đổi rất nhiều. Số 1, quyển 7 (tháng 12-1919) ra tuyên ngôn phản đối “chủ nghĩa quân phiệt” và “chủ nghĩa kim tiền”, hy vọng xoá bỏ “hiện tượng giả dối, bảo thủ”, “hiện tượng mô phỏng, giai cấp chủ nghĩa”, “hạnh phúc của thiểu số”, biểu hiện khuynh hướng của chủ nghĩa xã hội mơ hồ. Sau năm 1920, cùng với sự biến đổi trong tư tưởng của chủ biên Trần Độc Tú, *Tân thanh niên* trở thành tạp chí của tiểu tổ cộng sản ở Thượng Hải. Ngoài ra *Tân thanh niên* và *Bình luận hàng tuần*, *Tương giang bình luận*, *Dân quốc nhật báo*, phụ san *Giác ngộ* đã nói trên kia ra, rất nhiều tạp chí như *Thần báo phụ san*, nguyệt san *Anh bình minh*, tuần san *Tân xã hội* đều tuyên truyền cho chủ nghĩa xã hội. Những người cộng sản ở Thượng Hải cho ra mắt nguyệt san *Đảng cộng sản*, giới thiệu phong trào cộng sản thế giới. Bản dịch toàn bộ *Tuyên ngôn Đảng cộng sản* và quyển *Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ không tưởng đến khoa học* lần lượt xuất bản ở Trung Quốc.

¹ Bàn về chủ nghĩa dân chủ mới – Mao Trạch Đông tuyển tập, sđd, trang 659, quyển 2.

Cùng với sự phát triển của phong trào văn hoá mới, văn học cách mạng cũng không ngừng tiến tới. Văn bạch thoại đã nhanh chóng thay thế văn ngôn, giành được vị trí chính thống trong lĩnh vực văn hoá. Hình thức ngôn ngữ và nội dung tư tưởng của văn học, quan niệm về văn học đều có những thay đổi sâu sắc. Những nhà văn mới mà đại biểu là Lỗ Tấn, Quách Mạt Nhược, lấy sáng tác văn học làm vũ khí, mở cuộc tiến công dũng cảm vào chế độ phong kiến và cái cũ đang cản trở nhân dân tiến lên.

Phong trào văn hoá mới bùng lên đêm trước Ngũ tứ đến khi Đảng cộng sản Trung Quốc ra đời ở Thượng Hải 1-7-1921 đã trải qua một quá trình phát triển. Quá trình này là quá trình ngày càng thức tỉnh của tầng lớp trí thức và đông đảo quần chúng Trung Quốc, là quá trình cách mạng văn hoá chống phong kiến và cách mạng chính trị phản đế phản phong ngày càng gắn liền mật thiết. Đó là quá trình các phần tử tiên tiến Trung Quốc từ chỗ đi tìm chân lý ở phương Tây chuyển sang “đi con đường của người Nga”, là quá trình các trào lưu tư tưởng từ nước ngoài truyền bá vào Trung Quốc và bắt đầu gây ra sự phân hoá trong giới tư tưởng; đồng thời đó cũng là quá trình văn học cách mạng vươn lên và phát triển. Tóm lại, đây là quá trình phong trào văn hoá mới có nhiều chuyển biến lớn lao cùng với cuộc cách mạng từ giai đoạn chủ nghĩa dân chủ cũ chuyển sang giai đoạn chủ nghĩa dân chủ mới. Phong trào Ngũ tứ và phong trào văn hoá mới, chính vì là ranh giới trong lịch sử cận đại Trung Quốc, nên có ý nghĩa lịch sử vĩ đại.

b. Nội dung và ý nghĩa lịch sử của cách mạng văn học Ngũ tứ

Cách mạng văn học nổi lên nhằm đáp ứng yêu cầu của cách mạng tư tưởng, lấy dân chủ và khoa học làm ngọn cờ, đáp ứng yêu cầu đi lên của văn học Trung Quốc.

Hình thức: “cách mạng văn học” được chính thức đề ra từ tháng 2 năm 1917. Nhưng trước đó, một số báo chí tiến bộ cũng từng ấp ủ. Sau khi ra đời không lâu *Tân thanh niên* đã lập tức nhằm đúng tình trạng văn đàn trong nước mà đăng bài *Bàn về lịch sử văn nghệ châu Âu hiện đại*, giới thiệu diễn biến của trào lưu tư tưởng văn nghệ cận đại phương Tây từ chủ nghĩa cổ điển, chủ nghĩa lý tưởng (chủ nghĩa lãng mạn) đến chủ nghĩa tả thực (chủ nghĩa hiện thực), chủ nghĩa tự nhiên. Trần Độc Tú trong tin phóng sự đã bày tỏ nguyện vọng cải cách văn học: “Văn nghệ nước ta vẫn còn trong thời đại của chủ nghĩa cổ điển, chủ nghĩa lý tưởng, từ nay về sau nên theo hướng chủ nghĩa tả thực. Văn chương lấy ghi chép sự việc làm trọng, hội hoạ lấy việc miêu tả sống động làm trọng, ngũ hầu tránh cơn gió độc hào hoa đổi bại ngày nay”¹. *Tân thanh niên* còn tổ chức thảo luận vấn đề thống nhất ngôn ngữ, “sử dụng quốc ngữ”. Tháng 8 năm 1916, sáng lập *Thần chung báo*, Lý Đại Chiêu ra lời kêu gọi dấy lên một phong trào văn nghệ mới.

Tháng 1 năm 1917, Hồ Thích đăng bài *Ý kiến thô thiển về cải lương văn học trên Tân thanh niên*, cho rằng việc cải lương văn học nên bắt tay từ “bát sự”, đó là cần nói lời bổ ích, không bắt chước người xưa, phải chú trọng văn pháp, không làm chuyện không bệnh mà rên, phải vứt bỏ giọng điệu sáo mòn, không dùng điển cố, không cần đối ngẫu, không tránh dùng câu chữ thông dụng. Đồng thời thẳng thắn chỉ trích ngôn ngữ sách vở và ngôn ngữ lời nói phải nhích lại gần nhau, yêu cầu lấy văn học bạch thoại làm “chính thống”.

Người thật sự “giương cao ngọn cờ của đội quân cách mạng văn học” là Trần Độc Tú – đại biểu của phái Dân chủ cấp tiến lúc đó. Trong bài *Bàn về cách mạng văn học* đăng trên số 6, quyển 2 *Tân thanh niên*, ông nêu lên “Ba chủ nghĩa lớn” làm khâu rìu nổi tiếng chống văn học phong kiến:

- Xoá bỏ văn học quý tộc, tả tốt, nịnh bợ, xây dựng văn học quốc dân trữ tình bình dị.
- Xoá bỏ văn học cổ điển phô trương cũ rích, xây dựng văn học tả thực mới mẻ trung thực.

¹ Đáp thư Trương Vĩnh Ngôn *Thanh niên tạp chí*, số 4 quyển 1, tháng 12-1915.

- Xoá bỏ văn học rừng rú tăm tối khó hiểu, xây dựng văn học xã hội trong sáng, thông tục.

Trần Độc Tú đã chữa thẳng mũi nhọn vào chủ nghĩa phong kiến. Không những ông chống đối lại căn bệnh “tỉa tót” về hình thức văn học cũ, mà còn chú ý chống lại nội dung tư tưởng phong kiến “lớp lớp màn đen, tầng tầng bụi bặm”. Ông lấy cách mạng văn học làm “lợi khí” để “khai phá văn minh”, cải biến “quốc dân tính” và dùng để “cách tân chính trị”. Ông coi văn học tư sản châu Âu thế kỷ XIX là mẫu mực, đòi hỏi văn học mới có thể “trần trụi trử tình viết về cuộc đời”. Ông còn bày tỏ: “Đổi mới văn học Trung Quốc nên lấy bạch thoại làm thuyết chính thống, điều hơn lẽ thiệt đã quá rõ ràng, không để cho kẻ chống đối có chỗ xoay trở nói năng”¹.

Sau khi *Tân thanh niên* nêu ra chủ trương cách mạng văn học đã được sự hưởng ứng của Tiền Huyền Đồng, Lưu Bán Nông ... Trong rất nhiều thư công khai viết cho những người ban biên tập, Tiền Huyền Đồng công kích quyết liệt văn học cũ. Lưu Bán Nông viết bài *Quan điểm cải lương văn học của tôi* cho rằng bạch thoại, văn ngôn tạm thời có thể đặt ở vị trí tương đương, đồng thời chủ trương đả phá sự mê tín thể văn cũ, từ góc độ âm vận học nêu lên một số kiến nghị cụ thể bỏ vần luật cũ tạo vần luật mới, dùng dấu chấm câu kiểu mới. Từ 1918, cùng với ảnh hưởng Cách mạng tháng Mười ngày càng mở rộng và chủ nghĩa Mác bắt đầu được truyền bá, cách mạng Trung Quốc xuất hiện nhiều nhân tố mới. Phong trào Ngũ tứ bùng nổ, giai cấp vô sản Trung Quốc bước lên vũ đài lịch sử, chính thức đánh dấu thời kỳ cách mạng dân chủ mới bắt đầu. Trong một thời kỳ lịch sử mới như vậy, cách mạng văn học không thể không có những biến đổi mới, tạo ra dấu ấn mới.

Tháng 5-1918, truyện ngắn của Lỗ Tấn *Nhật ký người điên* đăng trên *Tân thanh niên* phun ngọn lửa hừng hực chưa từng có vào chế độ phong kiến ăn thịt người hàng mấy nghìn năm nay. Đây là một bài hịch chiến đấu triệt để chống phong kiến ra đời đáp ứng lời kêu gọi của thời đại. Từ đây, cách mạng văn học phá vỡ sự hạn chế của chủ trương lý luận thời kỳ đầu, bắt đầu một cuộc cách tân lớn chân chính về nội dung. Trong một số tác phẩm lần lượt ra đời, bằng ngòi bút hiện thực gay gắt, ông bóc lộ sâu sắc “căn bệnh của xã hội cũ”. Từ độ cao của tư tưởng dân chủ cách mạng ông nêu ra một loạt vấn đề quan trọng về lối thoát của nông dân, phụ nữ, phần tử trí thức, đặt hy vọng mãnh liệt vào sự giải phóng của nhân dân bị áp bức, biểu hiện chủ đề mới chưa từng có trong lịch sử văn học Trung Quốc. Ngoài ra không ít tác phẩm như *Cách một lớp giấy*, thơ của Lưu Bán Nông, *Đây cũng là một con người* (tức là “*Nhất sinh*”), tiểu thuyết của Diệp Thiệu Quân và nhiều tác phẩm khác, đều lấy đề tài từ cuộc sống hiện thực, vạch trần sự áp bức giai cấp và đối lập giai cấp, thông cảm sâu sắc với nhân dân dưới đáy xã hội, thể hiện nét đặc sắc về tư tưởng mới của thời kỳ mới. Sau khi phong trào Ngũ tứ bùng nổ, tư tưởng “cải tạo xã hội”, “giải phóng phụ nữ”, “lao công thần thánh” đang lưu truyền lúc bấy giờ càng trở thành nội dung quan trọng mà các tác phẩm văn học mới cần biểu hiện. Những bài thơ *Phượng hoàng Niết bàn*, *Ca ngợi bọn thổ phỉ* của Quách Mạt Nhược đăng trên *Học đăng* đã khơi dậy nhiệt tình của đông đảo thanh niên bằng tinh thần chống đối mãnh liệt và lòng ngưỡng mộ đối với chế độ xã hội mới.

Đi đôi với việc đại cách tân nội dung văn học, hình thức ngôn ngữ của văn học cũng cần phải và đã thật sự được giải phóng. Bạch thoại trong thời kỳ này từng bước được mở rộng. Dưới khẩu hiệu “Giải phóng thể thơ”, rất nhiều thành viên của phong trào văn học mới nô nức thử sức tác thơ mới bạch thoại và đã thoát khỏi sự ràng buộc của thể thức thơ cũ. Tiếp sau *Tân thanh niên*, các tạp chí *Bình luận hàng tuần*, *Tân trào* ... đều đăng tác phẩm văn học bạch thoại với nhiều hình thức và các tác phẩm dịch. Với sự thúc đẩy của phong trào yêu nước Ngũ tứ, văn bạch thoại vượt ra ngoài phạm vi văn học thuần túy, dường như hình thành thế cuốn hút tất cả trong lĩnh vực văn học. Từ nửa cuối năm 1919 báo chí văn bạch thoại toàn quốc nổi lên khí thế hừng hực. Đến năm 1920, khi tình hình bạch thoại thay thế cho văn

¹ Trả lời thư Hồ Thích – *Tân thanh niên* số 3, quyển 3, tháng 5 – 1917.

ngôn khô cứng trở thành thực tế, Bộ giáo dục của chính phủ Bắc Dương đã thừa nhận bạch thoại là “quốc ngữ”, cho các trường quốc lập áp dụng. Khi các văn nhân phong kiến chế giễu văn bạch thoại “thô kệch nông cạn”, “không đáng chê cười”, gọi nó là “ngôn ngữ của kẻ kéo xe người bán tương”¹, Lỗ Tấn đã trả lời thẳng thừng: “Âm thanh phát ra từ miệng của bốn trăm triệu người Trung Quốc mà rốt cuộc “không đáng để cười”, thật là xót xa thảm thiết”².

Chủ trương văn học, quan niệm văn học từ sau năm 1918 cũng đã có những thay đổi mới. Ngày càng có nhiều người tiếp thu chủ trương văn học “vị nhân sinh”, “biểu hiện nhân sinh” tư tưởng văn học chủ nghĩa hiện thực dần dần giành được ưu thế.

Ngoài những mặt đã nói ở trên ra, việc giới thiệu ồ ạt văn học nước ngoài cũng là một nội dung quan trọng tạo thành cách mạng văn học Ngũ tứ. Từ năm 1918 *Tân thanh niên* xuất bản số đặc biệt về Ibsen, dịch in tác phẩm *Nora* và nhiều tác phẩm khác. Việc giới thiệu này bước sang một giai đoạn mới có qui mô lớn và ảnh hưởng của nó vượt xa bất cứ lúc nào của thời kỳ cận đại. Lỗ Tấn, Lưu Bán Nông, Thảm Nhạn Băng, Trịnh Chấn Đạc, Cù Thu Bạch, Cảnh Tế Chi, Điền Hán, Chu Tác Nhân ... đều là những người dịch và giới thiệu năng động. Dường như tất cả báo chí tiến bộ hồi đó đều đăng tác phẩm dịch. Một số tác phẩm văn học nổi tiếng của Nga và các nước châu Âu khác của Nhật, Ấn Độ và nhiều nền văn học nổi tiếng khác, bắt đầu từ đây, lần lượt giới thiệu khá hệ thống cho độc giả Trung Quốc. Điều này làm cho văn học Trung Quốc và văn học tiến bộ thế giới bắt đầu có “tiếng nói chung”, giúp cho văn học mới Trung Quốc từng bước thoát khỏi trầm sự trói buộc của văn học cũ, tăng nhanh sự đổi mới và phát triển. Tác phẩm của nhiều nhà văn mới như Lỗ Tấn, Quách Mạt Nhược ... đều chứng tỏ họ đã chịu ảnh hưởng tích cực của văn học nước ngoài trên cơ sở nỗ lực độc lập sáng tạo. Những người đi tiên phong đặt việc nghiên cứu và giới thiệu văn học tiến bộ Nga lên vị trí hàng đầu. Không những qua Cách mạng tháng Mười họ tìm thấy niềm hy vọng giải phóng dân tộc, mà còn từ trong văn học Nga tìm thấy “tâm hồn trong trắng, cũng như nỗi chua cay, quằn quại của những người bị áp bức”.

Phong trào cách mạng Ngũ tứ trong thời gian ngắn ngủi đã đạt được nhiều thành tựu to lớn. Đó là kết quả của việc nó hoàn toàn phù hợp và thích ứng được với yêu cầu lịch sử thời đại, là kết quả của sự truyền bá chủ nghĩa Mác, giai cấp vô sản đã bước lên vũ đài chính trị, cách mạng Trung Quốc chuyển sang thời kỳ mới, đồng thời đó cũng là kết quả của việc gượng cao ngọn cờ chống văn học cũ, đề xướng văn học mới của *Tân thanh niên* ở thời kỳ đầu. Cách mạng văn học Ngũ tứ tuy còn tồn tại những nhược điểm và hạn chế như việc xử lý sự vật cụ thể thiếu tinh thần phê phán lịch sử, chưa thể (hoặc không thể) làm cho văn học mới phổ cập được trong quần chúng công nông, nhưng nó là một cuộc cách mạng thực sự vĩ đại. Trong lịch sử văn học Trung Quốc chưa từng có cuộc cách mạng nào vĩ đại và triệt để như vậy. Văn học mới Ngũ tứ lấy chủ đề mới thẩm đượm tư tưởng chủ nghĩa dân chủ hiện đại thay cho các chủ đề cũ, lấy hình tượng nhân vật nông dân, người lao động, phần tử trí thức kiểu mới thay thế địa vị những “chủ nhân ông” thường gặp trong văn học cũ như vua chúa tướng lĩnh, tài tử giai nhân. Chủ đề đấu tranh đòi tự do hôn nhân mặc dầu thường thấy trong văn học xưa nay, nhưng trong văn học mới Ngũ tứ cũng đang mang màu sắc mới của thời đại, đã quán xuyến được tư tưởng đòi giải phóng cá tính, hơn nữa tư tưởng giải phóng cá tính này thường kết hợp với tư tưởng giải phóng dân tộc và tinh thần hướng về chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, văn học mới Ngũ tứ về tư tưởng mới không những đối lập gay gắt với văn học mới phong kiến, mà còn cao hơn cả văn học mới có khuynh hướng dân chủ của thời đại phong kiến và văn học tư sản trong thời cận đại nói chung. Một nền văn học triệt để chống phong kiến, đào thải tinh thần giác ngộ dân tộc và kiên quyết chống đế quốc như vậy, có đủ khả năng không ngừng tiếp thu sự chỉ đạo của tư tưởng vô sản và tiêu trừ được sự hủ bại của tư tưởng phản động của giai cấp tư sản, tất nhiên phải

¹ Xem Lâm Thư, Thư gửi thái sư Thái Hạc Khanh – Bắc Kinh công ngôn báo ngày 18-3-1919.

² Kể sát nhân hiện đại – *Tân thanh niên* số 6, quyển 6, tháng 5-1919.

lấy chủ nghĩa xã hội làm phương hướng phát triển. Cách mạng văn học Ngũ tứ bằng sự đổi mới to lớn toàn diện từ chủ trương lý luận đến sáng tác, từ nội dung đến hình thức, đã mở ra một trang sử vẻ vang cho nền văn học quần chúng nhân dân chống đế quốc, chống phong kiến, từ đó làm cho văn học Trung Quốc bước sang một thời kỳ phát triển mới.

c. Các tổ chức văn học mới xuất hiện và sự ra đời của các trường phái.

Từ sau 1921, đoàn thể văn học mới ra đời như măng mọc mùa xuân. *Tân thanh niên* và *Tân trào, Thiếu niên Trung Quốc* đều là những tạp chí mang tính tổng hợp. Đoàn thể văn học mới và tạp chí thuần túy văn nghệ từ năm 1921 mới bắt đầu xuất hiện. Tháng giêng năm đó, Hội nghiên cứu văn học do Trịnh Chấn Đặc, Thẩm Nhạn Băng, Diệp Thiệu Quân, Hứa Địa Sơn, Vương Thống Chiêu, Cảnh Tế Chi, Quách Thiệu Ngu, Chu Tác Nhân... khởi xướng, chính thức thành lập ở Bắc Kinh. Họ lấy *Tiểu thuyết nguyệt báo* từ số 1 quyển 12 trở đi của Nhà xuất bản Thương vụ ấn thư quán Thượng Hải làm nội san của mình. *Văn học tuần san Thượng Hải* ra từ năm 1921 đến kỳ 5, quyển 29 thì dừng, tổng cộng 380 kỳ; từ kỳ 81 đổi tên *Văn học*, mỗi tuần một kỳ, kỳ thứ 172 đổi tên là *Văn học chu báo*, bắt đầu tách khỏi *Thời sự tân báo*, phát hành độc lập. *Văn học tuần san* Bắc Kinh ra từ năm 1923 đến năm 1925, cộng 7 kỳ. Những tạp san này xuất bản gần trăm loại từng thư. Đi đôi với việc phát triển số hội viên, không kể hai nơi Bắc Kinh, Thượng Hải, họ còn lập phân hội ở Quảng Châu, Ninh Ba, Trịnh Châu, các phân hội cũng xuất bản tạp san ở địa phương mình. Tiếp sau việc thành lập Hội nghiên cứu văn học, tháng 7 năm 1921, Quách Mạt Nhược, Uc Đạt Phu, Điền Hán, Thành Phương Ngô, Trịnh Bá Kỳ, Trương Tư Bình tập hợp thành Sáng tạo xã. Trước hết họ xuất bản từng thư trong nước (Thượng Hải), từ năm sau lại lần lượt xuất bản *Sáng tạo* (tháng 5 năm 1922 đến tháng 2 năm 1924, cộng 6 kỳ) *Sáng tạo chu báo* (tháng 5 năm 1923 đến tháng năm 1924 cộng 52 kỳ), *Sáng tạo nhật* (phụ trương *Trung Hoa tân báo*, tháng 7 năm 1923 đến tháng 11 năm ấy, cộng 100 kỳ) *Hồng thủy* (năm 1924 đến năm 1927 hai lần xuất bản, kể cả phụ trương là 38 kỳ), *Sáng tạo nguyệt san* (từ năm 1926 đến năm 1929, cộng 18 kỳ), *Văn hóa phê phán* (xuất bản tháng 1 năm 1928, bị niêm phong sau đổi thành nguyệt san *Tư tưởng*, trước 5 kỳ, sau 5 kỳ), tất cả hơn 10 loại tạp chí. Trong mấy năm sau đó, rất nhiều hội văn nghệ và báo chí ào ạt xuất hiện ở các nơi trong nước. Theo tư liệu ghi chép trong *Tinh hải* từ năm 1921 đến năm 1923, cả nước đã xuất hiện hơn 40 hội văn học lớn nhỏ khác nhau, xuất bản 52 loại tạp san văn học. Đến cuối năm 1925, theo thống kê của Mao Thuần, hội văn học và tạp san mỗi loại “trên một trăm”¹.

Trong vô số những đoàn thể văn học có khuynh hướng khác nhau, Hội nghiên cứu văn học và Sáng tạo xã không chỉ thành lập sớm, hoạt động được lâu mà còn có số thành viên đông, ảnh hưởng lớn, về trường phái phát triển cũng tiêu biểu nhất. Họ đều có cống hiến ít hoặc nhiều cho nền văn học mới mẻ của Trung Quốc.

Hội nghiên cứu văn học được thành lập đúng vào lúc tiểu thuyết phái *Thứ bảy* đang thịnh hành ở các đô thị. Vì vậy, khi nó chống lại văn học cũ phong kiến, đồng thời cũng là chống lại văn học du hý mang khuynh hướng dung tục. Nó tuyên bố: Thời kỳ văn nghệ làm trò du hý lúc cao hứng hoặc trò tiêu khiển khi phật ý, đã qua rồi. Chúng tôi tin tưởng văn học là một loại công việc, mà là một công việc rất thiết yếu đối với đời sống con người”. “Văn học phải phản ánh hiện thực xã hội, biểu hiện và thảo luận một số vấn đề liên quan tới đời sống con người nói chung”². Họ khẳng định văn học là “tấm gương soi của đời sống con người”³, không thừa nhận quan điểm “coi văn học là nghệ thuật thuần túy”⁴. Thẩm

¹ *Hệ thống văn học mới Trung Quốc : Lời nói đầu*, tập 1, *Tiểu thuyết*.

² Xem thêm Mao Thuần, *Hệ thống văn học mới Trung Quốc : Lời nói đầu*, tập 1, *Tiểu thuyết*, sđd.

³ *Văn học nghiên cứu hội từng thư duyên khởi*, Thượng Hải Giác ngộ phụ san của *Dân quốc nhật báo* 25-5-1921.

⁴ Lang tổn (Thẩm Nhạn Băng): *Trách nhiệm và quyền hạn của người nghiên cứu văn học mới. Tiểu thuyết nhật báo*, số 2, quyển 12 năm 1921.

Nhận Bằng tích cực tuyên truyền cho một chủ trương văn học tiến bộ: “Văn học biểu hiện đời sống xã hội là văn học chân chính”. “Ở một nước bị áp bức”, nhà văn cần phải chú ý quan sát và miêu tả hiện thực đen tối của xã hội “nổi thống khổ” trong cuộc sống của mọi người và sự xung đột của hai dòng tư tưởng cũ mới¹. Về phương pháp sáng tác, Hội nghiên cứu văn học tiếp tục giương cao ngọn cờ của chủ nghĩa hiện thực, nhấn mạnh “chủ nghĩa tả thực trong văn học mới, về tư liệu, đặc biệt chú trọng sự chính xác và đúng đắn, miêu tả nhất định phải trung thực, chẳng hạn như nói về Dư Sơn thì phải đến đó ít nhất một lần chứ không thể nói vu vơ như bắn tên không đích”². Để thúc đẩy việc sáng tác của văn học mới, Hội nghiên cứu văn học rất chú trọng nghiên cứu giới thiệu văn học nước ngoài. Hội nghiên cứu văn học tập trung dịch các tác phẩm hiện thực nổi tiếng của nước Nga (và Nga Xô viết), Pháp và Bắc Âu, Đông Âu, giới thiệu tác phẩm của Puskin, Tolstoi, Turgeniep, Tchekhov, Gorki, Manpassant, Romain Rolland, Ibsen, Siênkêvich. *Tiểu thuyết nguyệt báo* đã từng xuất bản các số đặc biệt “Nghiên cứu văn học Nga”, “Nghiên cứu văn học Pháp”, “Văn học của các dân tộc bị áp bức bóc lột”, ngoài ra còn xuất bản các chuyên sâu về Tagor, Byron, Andersen.

Sáng tạo xã có những chủ trương khác. Họ không như Hội nghiên cứu văn học đứng hẳn về phía phái nhân sinh trong cuộc tranh luận. Quách Mạt Nhược trong bài *Lời bàn của tôi về biên tập*, tập san *Sáng tạo* kỳ 2, quyển 1 cũng nói: “Chủ nghĩa của chúng ta, tư tưởng của chúng ta không hề giống nhau và cũng không phải ra sức tìm chỗ giống nhau. Cái giống nhau giữa chúng ta chỉ là tham gia hoạt động văn nghệ theo yêu cầu nội tâm của chúng ta mà thôi”. Có thể thấy rằng, nhấn mạnh văn học cần phải biểu hiện trung thực “yêu cầu nội tâm” của mình, đây chính là hạt nhân trong tư tưởng văn nghệ của các tổ chức sáng tác thời kỳ đầu, họ tôn sùng “thiên tài”, coi trọng “linh cảm”, chú trọng cái “Toàn” và “Mỹ” của văn học, tuyên truyền luận điểm nghệ thuật “vô mục đích”. Nhưng mặt khác, cuộc sống hiện thực không chuẩn bị sẵn sàng cho họ những “tháp ngà”. Trước khi đưa ra *Sứ mạng của bản thân văn học*, họ vẫn trước hết chú ý nhấn mạnh “Sứ mạng đối với thời đại” của văn học, chủ trương đối với xã hội cũ “Phải trút bão lửa không thương tiếc”³, “Trong văn học, bộc lộ tinh thần của giai cấp vô sản, phơi bày hết nhân tính”⁴. Họ cho rằng “văn học là lương tâm của thời đại, nhà văn phải là chiến sĩ của lương tâm”. Còn “yêu cầu nội tâm thực tế cũng chính là yêu cầu của chiến sĩ thời đại. Chính là xuất phát từ việc nhấn mạnh “Yêu cầu nội tâm” và tôn trọng cá nhân nhà văn của Sáng tạo xã đã hình thành khuynh hướng lãng mạn chủ nghĩa của mình.

Trong số các nhà văn và các nhà triết học nước ngoài, các thành viên của Sáng tạo xã yêu thích Gớt (Goethe), Hainơ (Heine), Bairơn (Byron), Seli (Shelley), Kitx (Keats), Uytman (Whitman), V.Hugo (Victor Hugo), Rômanh Rôlăng (Romain Roland).

Họ chú trọng phiên dịch giới thiệu văn học lãng mạn Đức, đồng thời cũng giới thiệu một số sách báo của phái tượng trưng, phái biểu hiện, phái vị lai. Trong khi chống lại chủ nghĩa tự nhiên, họ đã dùng khẩu hiệu “Chủ nghĩa tả thực dung tục”. Trong từng bài viết cụ thể họ đã hạ thấp ý nghĩa của chủ nghĩa hiện thực. Tất cả những điều đó có liên quan tới khuynh hướng tư tưởng nhấn mạnh cái tôi, tôn trọng chủ quan của họ. Trước và sau khi thành lập, Sáng tạo xã và Hội nghiên cứu văn học đã nổ ra cuộc tranh luận về sáng tác và phiên dịch, phê bình văn nghệ. Ở đây ngoài việc loại trừ thành kiến phe phái ra, thực tế đã phản ánh sự khác biệt trong khuynh hướng và hai trào lưu tư tưởng. Cùng với sự phát triển của hiện thực cách mạng thời hậu kỳ, Sáng tạo xã chuyển sang đề xướng văn học cách mạng “tổ sự đồng tình với giai cấp vô sản”.

¹ Lang tởn, *Bối cảnh xã hội và sáng tác – Tiểu thuyết nguyệt báo*, số 7 quyển 12, tháng 7-1921.

² Thẩm Nhận Bằng, *Văn học là gì, dẫn từ Hệ thống văn học mới Trung Quốc*. Tập luận chiến văn học.

³ Thành Phương Ngô, *Sứ mạng của văn học mới – Sáng tạo chu báo*, số 2, tháng 5-1923.

⁴ Quách Mạt Nhược, *Cuộc vận động mới về văn học của chúng ta – Sáng tạo chu báo*, số 3, tháng 5-1923.

Một số đoàn thể quan trọng ngoài Hội nghiên cứu văn học, Sáng tạo xã ra, cũng đều có nét độc đáo và sự cố gắng riêng của họ. Trong đó riêng về tư tưởng văn nghệ và khuynh hướng sáng tác, đại thể có thể chia làm hai loại, hoặc tiếp cận với Hội nghiên cứu văn học, hoặc tiếp cận với Sáng tạo xã. Ngũ ti xã, Vị danh xã có nhiều điểm giống với khuynh hướng của Hội nghiên cứu văn học, còn Nam quốc, Trầm chung thì chịu ảnh hưởng của Sáng tạo xã với mức độ khác nhau.

Ngũ ti xã là đoàn thể ban đầu. Tuy không có chủ trương văn học độc lập, nhưng nhiều hoạt động văn học mà nó tiến hành có tác dụng thúc đẩy tích cực đối với sự phát triển văn học mới. Tuần san *Ngũ ti* đăng nhiều tạp văn, tản văn, tham gia phê phán xã hội và phê bình văn hoá, hình thành nên “Ngũ ti văn thể” mang phong cách châm biếm cay độc, có ảnh hưởng tới tản văn về sau. Trong cuộc đấu tranh với thế lực phong kiến và các nhà văn mại bản, thành viên của Ngũ ti xã do Lỗ Tấn đứng đầu, đã phát huy tác dụng chiến đấu mạnh mẽ, biểu hiện tinh thần “chống ự độc đoán và đề tiện” như đã tuyên bố ở đầu tạp san. Về phương diện giới thiệu văn học dân gian và văn học châm biếm của nước ngoài, Ngũ ti đã làm được nhiều việc thiết thực. Người hoạt động của Vị danh xã phần nhiều là thanh niên. Tạp san *Mãng nguyên* của nó (về sau là *Vị danh*), lấy “Nói dứt khoát, lập luận bằng tâm, trung với hiện thế, hướng tới tương lai”¹ làm mục đích chính, về phương diện chống trả thế lực cũ tỏ rõ còn cấp tiến hơn cả *Ngũ ti*, mối quan hệ với phong trào thanh niên học sinh cũng khá chặt chẽ (sự kiện ở trường nữ sư phạm Đại học Bắc Kinh, cuộc đấu tranh “18-3” đều được phản ánh khá nhiều trên tạp san); và đăng nhiều tác phẩm phản ánh cuộc sống nhân dân tầng lớp dưới. Vị danh xã đặc biệt chú trọng giới thiệu văn học Nga và văn học liên Xô sau Cách mạng tháng Mười. *Mãng nguyên* còn dùng các số đặc biệt giới thiệu Rômanh Rôlăng, tuyên truyền tư tưởng siêu nhân của Nítxơ. Giống như Rômanh Rôlăng đã hô hào: “Thế giới ngột ngạt. Hãy mở ra cho không khí tự do ủa vào! Hãy đón lấy khí thế hào hùng!”. Trong cuộc chiến đấu quyết liệt, họ cảm thấy sâu sắc nỗi buồn khổ cô độc, khát khao “có (những người bạn) anh hùng” ở quanh mình, cổ vũ nhau, kiên quyết tiến lên. Sau khi *Mãng nguyên* bị chia rẽ, họ cho ra *Cuồng biêu* và quay lại công kích Lỗ Tấn. Một số người sau đó trở nên sa đoạ. Đó chính là kết quả tất nhiên của việc phát triển tư tưởng chủ nghĩa cá nhân cực đoan.

Trong số những hội có khuynh hướng gần với Sáng tạo xã, tình hình rất phức tạp. Di sai xã chủ yếu tiếp thu tư tưởng “nghệ thuật vị nghệ thuật”. Họ tuyên bố “Chúng tôi mới là những thánh thần nghệ thuật”, họ nêu lên tôn chỉ “không mục đích, không quan điểm nghệ thuật, không thảo luận, không phê bình mà chỉ đăng những tác phẩm văn nghệ sáng tạo theo linh cảm”. Thiển Thảo, Trần Chung xã cũng không tránh khỏi ảnh hưởng của trào lưu tư tưởng “nghệ thuật vị nghệ thuật”. *Thiển Thảo* tuyên bố: Để tránh tranh chấp, “quyết định bỏ mục phê bình”. Trong *Trầm Chung* sau đó, ngoài việc giới thiệu Rômanh Rôlăng, Hoptman² còn nêu lên nhiều điều tâm đắc đối với Wilde, Nítxơ và các tác giả phái thần bí Mỹ như AlanPô³ ... Hiện thực xã hội đau khổ và thái độ thận trọng mà bản thân các thành viên sử dụng đã thúc đẩy Trầm chung xã phát triển nhanh lành mạnh. *Trầm chung* ra đời tháng 10 năm 1925 đến tháng 2 năm 1934 thì đình bản. Trong thời gian gần mười năm thận trọng, bằng việc sáng tác chân thực pha giọng buồn thảm và thiết thực giới thiệu văn học nước ngoài, nó đã góp thêm sức mạnh cho sự phát triển của văn học mới, vì vậy đã được Lỗ Tấn ca ngợi là “Đoàn thể bền bỉ nhất, thành thực nhất, chống cự lâu nhất của Trung Quốc”⁴.

¹ Thông báo sẽ xuất bản chu san *Mãng nguyên* do Lỗ Tấn soạn thảo, xem mục quảng cáo trên *Kinh báo* Bắc Kinh ngày 21-4-1925.

² Hoptman (1862-1946) Nhà viết kịch Đức (ND).

³ Edgar Alland Poe (1809 – 1849) (ND).

⁴ *Hệ thống văn học mới Trung Quốc*, sđd.

Ngoài ra, phái Tân nguyệt xã là duy nhất có chút ít tư cách đại biểu của giai cấp tư sản Trung Quốc yếu ớt trong văn học mới thời kỳ đầu. Họ có chủ trương, có lý luận chung, tuyên bố không có gì đẹp bằng nghệ thuật, đảo ngược quan hệ nghệ thuật và cuộc sống, cho rằng “khi trong tự nhiên có cái đẹp thì cũng là lúc tự nhiên tương tự với nghệ thuật”, “nghệ thuật tuy không phải là nhân sinh, nhưng trong nhân sinh là vì nghệ thuật”, đề xướng “chống phong trào tả thực”, cho rằng “chủ nghĩa tả thực tuyệt đối có nghĩa là phá hoại nghệ thuật”, để có được “một nghệ thuật thuần túy”, đòi hỏi văn nghệ phải “thoát khỏi xiềng xích của tự nhiên”, và đi tiếp nhận sự trói buộc của luật thơ nghệ thuật, “vui lòng đeo xiềng đi khiêu vũ”¹.

Tình hình sôi động của các phe phái đoàn thể quần chúng khác nhau nói trên, tất nhiên không thể được phản ánh trong sáng tác, làm cho sáng tác biến đổi. So với thời kỳ đầu đề xướng văn học mới, sáng tác văn học sau năm 1921 đã tiến triển. Đội ngũ tác giả lớn mạnh nhanh chóng. Số lượng tác phẩm tăng lên rất nhiều. Khuynh hướng sáng tác của hai loại cơ bản là chủ nghĩa hiện thực, chủ nghĩa lãng mạn mà đại biểu là Hội nghiên cứu văn học và Sáng tạo xã, đã riêng rẽ hình thành. Về truyện ngắn, hai tập truyện ngắn nổi tiếng *Gào thét* và *Bàng hoàng* của Lỗ Tấn ra, còn xuất hiện rất nhiều tác giả mới và một số tác phẩm ưu tú khác. Truyện dài hoặc truyện vừa cũng có người bắt đầu thử bút. Thể thơ mới tự do ra đời sau khi *Nữ thần* xuất bản đã trở nên khá phổ biến tạo nên một cục diện mới. Tản văn (kể cả tạp cảm) phát triển sôi nổi. Kịch nói từ các tác phẩm của nước ngoài được dịch và cải biên đưa vào khá nhiều sáng tác. Miêu tả hình tượng người trí thức đã thức tỉnh trong sự trói buộc của xã hội cũ, biểu hiện những suy nghĩ tìm tòi của họ trước vấn đề nhân sinh hiện thực và yêu cầu chống lại thế lực phong kiến đen tối là khuynh hướng chung của văn học mới thời kỳ sau Ngũ tứ đến Ngũ tạp. Một bộ phận tác phẩm còn phản ánh chân xác cuộc sống đau khổ của nhân dân lao động, nhất là nông dân.

2. Sáng tác văn học.

a. Sáng tác thời kỳ đầu của cách mạng văn học.

Nghen chờ cách mạng văn học đã giương cao, việc sáng tác các tác phẩm mới thực sự khác với văn học cũ từ nội dung cho đến hình thức, trở thành một nhiệm vụ vô cùng bức thiết. Về mặt này, các thành viên của *Tân thanh niên* có cố gắng rất lớn, đạt được những thành tích đầu tiên. Sau đó, các tập san *Tân trào*, *Thiếu niên Trung Quốc*, *Thần báo*, *Học đăng*, *Tinh kỳ bình luận* từ năm 1919 đều tới tấp đăng sáng tác mới theo thể bạch thoại. Cho đến những năm 1921-1922, đã xuất hiện một loạt tác phẩm về hình thức đã cách tân, về nội dung đã biểu hiện mạnh mẽ tinh thần chống phong kiến và yêu cầu thức tỉnh dân tộc.

Biểu hiện rõ ràng nhất thành tích thực tế của cách mạng văn học là tiểu thuyết của Lỗ Tấn. Từ *Nhật ký người điên*, tháng 5-1918, *Khổng Ất Kỷ*, *Thuốc* và *AQ chính truyện* nổi tiếng liên tục được phát hành liền sau đó, đều đã kích động trái tim của rất nhiều người đọc bằng tinh thần chống phong kiến dũng mãnh triệt để, bằng “Sự sâu sắc trong biểu hiện, sự đặc biệt trong cách thức”, chúng thực sự trở thành nguồn cổ vũ vô cùng to lớn và tấm gương sáng chói cho những người sáng tạo ra nền văn học mới. Trên *Tân trào* đã xuất hiện một số tác giả tiểu thuyết mới như Uông Kính Hy, Dương Chấn Thanh, Diệp Thiệu Quân. Một số truyện ngắn của Uông Kính Hy. *Đêm tuyết* thông qua việc miêu tả toàn cảnh khốn khổ mà một gia đình nghèo đói bày tỏ sự thông cảm đối với người phụ nữ và trẻ con bất hạnh. *Một học sinh chăm chỉ* thì khắc họa tỉ mỉ tâm lý của người say mê với con người làm quan. Dương Chấn Thanh (1890-1956), có *Ngư gia* viết về thiên tai địch họa làm cho ngư dân phải khốn khổ, *Gia đình một người*

¹ Những câu trên trích dẫn từ *Cách luật của thơ* của Văn Nhất Đa, *Quốc kịch* của Triệu Thái Mâu và Tựa trong sách *Phong trào quốc kịch* của Dư Thượng Nguyên. Câu “vui lòng đeo xiềng đi khiêu vũ” mà Văn Nhất Đa nói tới trong *Cách luật của thơ*, nguyên là lời của giáo sư Bliss Perry.

lính viết về cuộc hỗn chiến quân phiệt đẩy con người vào chỗ tuyệt vọng, *Trinh nữ* viết về việc ép gả thiếu nữ cho “một khúc gỗ” khiến phải chết thảm thương. Về sau Dương Chấn Thanh lại viết truyện vừa *Ngọc quân* (1925), việc miêu tả câu chuyện tình của một thiếu nữ, gián tiếp phơi bày tác hại của chế độ gia tộc và hôn nhân cưỡng ép. Tình tiết khúc chiết, bút pháp thành thực, tác giả đã thể hiện chủ trương sáng tác “Phải trung thực với chủ quan”, cấu tứ của tác phẩm tinh xảo đầy hứng thú, có thể nhận thấy thành tựu và sự tiến triển của thủ pháp nghệ thuật của tác giả ở nhiều chỗ, khiến tác phẩm lúc bấy giờ có ảnh hưởng khá lớn. Trong số tiểu thuyết thời kỳ đầu lấy đề tài từ cuộc sống người dân lớp dưới, còn có *Gãy tay* của Âu Dương Dư Sảnh viết về bọn quân phiệt ngang ngược tàn ác, *Đây cũng là con người ?* (Về sau đổi tên thành *Cuộc đời*), *Đứa trẻ dần dần* (sau đổi thành *Anh cúc*) của Diệp Thiệu Quân viết về cô gái nghèo bị sỉ nhục, *Lời than của người chần cù* của Quách Mạt Nhược, *Người này cô độc tiêu tụy* của Băng Tâm là những tác phẩm tiêu biểu viết về đề tài yêu nước chống đế quốc. Tiểu thuyết mới từ 1918 bắt đầu bước lên văn đàn, trong mấy năm ngắn ngủi, đã đạt được thành tích mà Lỗ Tấn đã ca ngợi là “Các nhà tiểu thuyết Thượng Hải (chỉ nhà tiểu thuyết phái cũ) nằm mơ cũng không có”¹, điều này tỏ rõ sức sống mãnh liệt của văn học mới.

Từ đầu năm 1918², thơ mới bắt đầu xuất hiện, đối lập với thơ thể cũ, có ý nghĩa cách mạng khá lớn. Những người đi tiên phong như Lý Đại Chiêu, Lỗ Tấn đã làm một số thơ bạch thoại trong những năm 1918, 1919 tiếp sức cho phong trào cách tân thơ ca.

Thời kỳ đầu, sáng tác thơ bạch thoại khá nhiều là Hồ Thích (1891-1962). *Thường chỉ tập* (1920) của ông là tập thơ mới xuất bản sớm nhất. Về hình thức đã có nhân tố mới: đưa bạch thoại vào thơ không hạn chế câu dài ngắn, thanh không bắt buộc bằng trắc, dùng âm tiết tự nhiên, bắt đầu phá bỏ một số ràng buộc về cách luật của thơ cũ. Thơ của Hồ Thích làm để thuyết lý hoặc cảm tác về sự vật là chính. Dù là nói về sự lẻ loi của con bướm bướm (*Hồ điệp*), sự mãn nguyện của con chim bồ câu (*Chim bồ câu*), sự ngông cuồng của con quạ (*Con quạ*) thực ra đều gửi gắm những nỗi niềm khác nhau trong từng cảnh ngộ khác nhau của người theo chủ nghĩa cá nhân. Bài thơ *Lên núi* ca ngợi tinh thần cá nhân phấn đấu “liều mình” tiến lên, đã biểu hiện thái độ tích cực tiến thủ lúc đó của tác giả. *Uy quyền*, *Lạc quan*, *Đầy tuổi* những bài thơ có liên quan đến chính sự này đã lưu lại nhiều bóng dáng về cuộc đấu tranh chống phong kiến đầu thời Ngũ tứ, chúng có ý nghĩa tích cực khá lớn. Thơ trong *Thường chỉ tập*, nội dung tư tưởng phần nhiều rất nông cạn. Hồ Thích tuy đã tham gia phong trào văn hoá mới và cách mạng văn học, nhưng tinh thần chống phong kiến rất mỏng manh yếu ớt, còn với chủ nghĩa đế quốc thì lại có ngàn vạn mối dây liên hệ mật thiết phức tạp khác. Hoạt động mà Hồ Thích tiến hành trong lĩnh vực thơ mới, ngoài “cải lương” về hình thức văn học ra, những chỗ đáng ghi nhận về tư tưởng thì lại không nhiều.

Trong số thành viên của *Tân thanh niên*, người làm thơ mới khá sớm và gây được ảnh hưởng, có Thẩm Doãn Mặc và Lưu Bán Nông. Thơ của Thẩm Doãn Mặc (1883-1971) rải rác thấy trên *Tân thanh niên* từ quyển 4 đến quyển 7. những bài *Phu kéo xe*, *Mổ dê* (*Tể dương*) ... than thở về sự không bình đẳng giữa người với người, gửi tấm lòng thông cảm nhân đạo chủ nghĩa đối với người khổ đau với một lập trường bàng quan. Trong *Đêm trắng*, hình tượng “tôi” đứng sừng sững đối với cây cao trong gió sương trắng sáng, cũng đã bộc lộ đặc trưng tinh thần của người theo chủ nghĩa cá tính lúc đó. Tác giả có sở trường đưa âm tiết thơ cũ vào thơ mới, chú trọng cấu tứ, thủ pháp biểu hiện hàm súc và đáng để suy ngẫm. Bài *Tam huyền* khéo dùng cảnh và tình cảm mới lạ và vận dụng song thanh điệp vận để tạo thành tiết tấu trầm bổng ngừng ngắt, được độc giả lúc đó tán thưởng. Lưu Bán Nông (1819-1934) đã viết một số tập

¹ Xem thư Lỗ Tấn gửi những người biên tập *Tân trào*, ngày 16-4-1919.

² Trên số 4 quyển 3 *Tân thanh niên* 1917 tuy đã có đăng bài *Bạch thoại từ*, nhưng vẫn mô phỏng hình thức cũ. Nói một cách chuẩn xác, thơ bạch thoại được tính từ thơ ca được đăng ở kỳ thứ nhất quyển 4 *Tân thanh niên* tháng 1-1918.

văn, công kích mạnh mẽ thế lực phong kiến và những chuyện ngu xuẩn, nhưng thành tích sáng tác chủ yếu của ông lại là thơ mới. Ông có nhiều tìm tòi và thử nghiệm về hình thức và âm tiết thơ mới. Những bài thơ dài và ngắn với các qui cách khác nhau trong *Dương tiên tập* đã tiếp xúc khá rộng với hiện thực xã hội. Đáng chú ý là trong một số bài thơ (như *Thợ rèn*, *Con bò già*, *Lão thợ mộc*), tác giả còn xây dựng một số hình tượng người lao động chân tay, trực tiếp ca ngợi tinh thần sáng tạo và phẩm hạnh chân chất của họ. Về nghệ thuật, thơ của ông bình thường nhưng có một số tác phẩm nổi tiếng nhờ sự hài hoà trong âm luật tiết tấu (như *Bảo tôi không nghĩ đến cô ấy làm sao được!*, *Xế chiều ở một gia đình tiểu nông*). Lưu Bán Nông còn dùng phương ngôn phía nam sông Trường Giang viết khá nhiều *Sơn ca bốn câu*, biên thành *Ngoã phủ tập*. Trong phần ghi tên cuối sách, tác giả còn ví dân ca như “hương hoa đồng nội mãi mãi mới mẻ”, nguyện không ngừng hút lấy chất dinh dưỡng trong đó. Tác phẩm của ông sở dĩ là trong sáng, mộc mạc, là do chịu ảnh hưởng của thể ca dao dân gian.

Thơ mới thời kỳ đầu còn có Khang Bạch Tình và Du Bình Bá viết trên báo *Tân trào*, Lưu Thái Bạch viết trên *Tinh kỳ bình luận*. Khang Bạch Tình đã đăng tác phẩm của mình trên *Thiếu niên Trung Quốc*. Tập thơ *Cổ* của ông có nhiều “thơ tình ly biệt” và “thơ du ký” như *Tiến khách ở Hoàng Phố*, *Đỉnh Nhật quan xem mặt trời mọc*, *Giang Nam*, *Ba mươi bảy bài du ngoạn Lư Sơn*. Đặc biệt của những bài thơ này là tả cảnh tỉ mỉ, dùng màu tươi sáng, biểu hiện khá rõ sở trường mới mẻ hoạt bát của thơ bạch thoại; nhưng không ít bài như văn xuôi được sắp xếp theo dòng mà thôi. Một số thơ triết lý cũng chỉ một mực thuyết lý, thiếu ý thơ. Tập thơ đầu tiên của Du Bình Bá là *Đêm đông*, gam màu lạnh lẽo đau khổ. Tác giả bất mãn với sự kìm hãm của xã hội cũ, hy vọng thoát khỏi trò đùa của vận mạng, có sự thông cảm với người lao động “Chết như chó mèo”¹, nhưng sức lực yếu ớt khiến ông ta thường có tâm trạng trống rỗng thất vọng. Sự lạnh lùng của đêm đông (*Công viên đêm đông*), sự cô tịch của ngày xuân nhàn rỗi (*Sự vắng lặng của con người trong mùa xuân*). Sự bịn rịn trong mùa thu gió thổi lá rụng (*Nỗi buồn*), đều bộc lộ thứ tình cảm đó. Trong tập *Trở lại phía tây* viết sau năm 1922, lời cảm thán về cuộc đời gian nan càng tăng lên. Còn tập thơ *Nhớ lại* thì lại từ việc theo đuổi “tình yêu” vĩnh cửu chuyển sang hồi tưởng cuộc sống tuổi thơ.

Tập thơ mới *Mộng cũ* (Về sau soạn thành 4 tập *Đình ninh*, *Tái tạo*, *Nước mắt mùa thu*, *Ca dao bán vải*) của Lưu Đại Bạch (1880-1932). Nhưng khác với thơ của Du Bình Bá ảm ức, chua chát, những bài thơ này thông suốt mà “thiếu hàm súc”². Những bài thơ ngắn năm ba dòng chiếm một tỉ lệ rất lớn trong tập thơ; phần lớn là sự ngẫm nghĩ tìm tòi, bàn luận về *Câu đố nhân sinh* có nội dung tiêu cực. Tác giả cũng đã làm một số thơ phản ánh hiện thực xã hội. *Điền chủ đến*, *Ca dao bán vải*, tố cáo địa chủ phú nông tham lam độc ác, *Thành hồ bất tử*, *Mỗi bữa không quên* đã ca ngợi tinh thần phản kháng tự phát của nông dân, *Tết đỏ* và *Bài ca ngày lao động* tuy hơi phù phiếm nhưng cũng đã ca ngợi trào lưu của thời đại mới. Thơ hậu kỳ đại bộ phận thơ năm 1921 về sau chứa đầy tình cảm uỷ mị, cô tịch. Cùng với cuộc đấu tranh giai cấp ác liệt, tác giả cũng dần dần sa đoạ về chính trị.

Tản văn bạch thoại cùng trỗi dậy với tiểu thuyết và thơ mới. Thích ứng với yêu cầu của chiến đấu ác liệt lúc đó. Thể loại này, ban đầu do *Tân thanh niên*, *Bình luận hàng tuần*, *Thần báo* (bản thứ 7) đặt ra các chuyên mục “Tuỳ cảm lục”, “Lãng mạn đàm”, nâng cao thêm và dần dần hưng thịnh, về sau với sự cố gắng không mệt mỏi của những người đi tiên phong như Lỗ Tấn, “biến thành danh từ luận văn (feuilleton) có tính văn nghệ”³. Chuyên mục “Tắc sắt” trên tạp san *Hướng đạo* sau này, cũng chính là sự vận dụng và phát triển thứ vũ khí này.

¹ Đêm đông: *Thơ buồn vô danh*.

² *Mộng cũ*: *Tự viết đưa nhà in*.

³ Cù Thu Bạch, *Lời tựa Tuyển tập tạp cảm Lỗ Tấn*.

Viết tập cảm thời kỳ Ngũ tứ, ngoài Lỗ Tấn ra, Lý Đại Chiêu (1889-1927) cũng là một tác giả quan trọng. Một số bài báo ngắn có tính chất văn nghệ do ông viết đã vạch ra chỗ khuyết tật của thời đại, vùng vẫy dọc ngang, tính chiến đấu nói chung rất mạnh. Từ trong những bài viết này, có thể thấy được bóng dáng của thời đại chủ nghĩa Mác bắt đầu được truyền bá ở Trung Quốc và cuộc đấu tranh chống phong kiến của nhân dân dần dần lan rộng. Khi đế quốc Nhật và chính phủ quân phiệt bán nước cùng nhau tuyên truyền cái gọi là “Trung Nhật thân thiện” và có một số người vì thế sinh ra ảo tưởng, Lý Đại Chiêu đã nhằm đúng vào chỗ quan trọng nhất làm rõ bản chất của sự việc :

“Mũi moóc-phin của người Nhật thân thiện với da thịt của người Trung Quốc, hàng hoá của người Nhật thân thiện với tiền bạc của người Trung Quốc, gậy sắt, súng lục của người Nhật thân thiện với đầu lâu máu thịt của người Trung Quốc, chủ nghĩa xâm lược của Nhật Bản thân thiện với đất đai của Trung Quốc, chiến hạm của Nhật Bản thân thiện với Phúc Kiến của Trung Quốc; đó, cái gọi là “Trung Nhật thân thiện”.

(*Trung Nhật thân thiện*)

Ở đây, tư tưởng sâu sắc, khả năng quan sát tinh tế, ngôn ngữ có hình tượng và súc tích, ba cái đó đã thật sự kết hợp khá tốt. Chính nguyên nhân này đã khiến tập cảm của Lý Đại Chiêu có sức thuyết phục và sức truyền cảm mạnh mẽ. Chúng cùng với *Tuỳ cảm lục* của Lỗ Tấn, Trần Độc Tú, Tiền Huyền Đồng trên *Tân thanh niên* gây ảnh hưởng rất lớn.

Cù Thu Bạch (1899 – 1935) tiếp thu ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười khá sớm. Ông thực sự tham gia phong trào quần chúng Ngũ tứ, sớm trở thành người tuyên truyền cho văn học “vì nhân sinh”, vì xã hội và vì nhân dân. Tháng 10 – 1920 ông sang Liên Xô với tư cách là phóng viên *Thần báo. Hành trình sang quê hương đối* (con có tên là *Nước Nga mới du ký*) và *Lịch sử tâm hồn của thủ đô đỏ* là hai tập tản văn viết trong khoảng thời gian đi thăm Liên Xô của ông (có một số bài đã đăng trên *Thần báo*). Tác giả ngưỡng vọng chế độ xã hội chủ nghĩa, sớm giúp nhân dân của mình dẹp bỏ những “*chướng ngại*” mà bọn phản động trong và ngoài nước giăng ra, chính thức đưa tin về hiện thực “*Anh hồng Nga chiếu sáng bầu trời, trào lưu đỏ cuộn cuộn*” và “*nỗi đấng cay vất vả trong buổi mở đầu sự nghiệp của giai cấp vô sản*” Nga Xô. Sự phức tạp giữa cái mới và cũ, cách mạng và phản cách mạng trong thời kỳ đầu chính quyền Xô Viết mới thành lập, cuộc đấu tranh gay gắt và phức tạp, đều được phản ánh trong tác phẩm. Trong bài *Lênin, Tháng Mười sắc đỏ*, tác giả đã nhiệt tình miêu tả hình tượng Lênin, bày tỏ lòng yêu mến và tin tưởng vô hạn của nhân dân đối với Đảng, đối với lãnh tụ.

Tình hình sáng tác tiểu thuyết, thơ mới, tản văn nói trên thực sự chứng tỏ : thời kỳ khởi xướng văn học mới là thời kỳ cách tân lớn, giải phóng thực sự về nội dung và hình thức của văn học. Nhưng không ít tác phẩm còn quá thô sơ, một số tác phẩm chưa xoá hết dấu vết của văn học cũ, một số khác lại bộc lộ khuynh hướng Âu hoá mang hình thức chủ nghĩa, tuy vậy dòng chính của văn học mới vẫn lành mạnh. Trên cơ sở hiện thực của cuộc cách mạng tư tưởng, nó đã kế thừa được truyền thống tốt đẹp của văn học tiến bộ nước ngoài, bắt đầu hình thành dáng vẻ mới. Thời kỳ này đã có những nhà văn như Lỗ Tấn vừa bước lên văn đàn khá thành thạo, nhưng lực lượng sáng tác chuyên nghiệp chưa hình thành, không ít tác giả vừa mới xuất hiện đã biến mất. Những tác giả nào trụ lại được thì đang tích lũy kinh nghiệm, luyện tay bút. Đây là thời kỳ đào tạo bồi dưỡng ban đầu của đội ngũ văn học mới. Trong đó có một số tác giả đến năm 1921 trở đi thành lực lượng nòng cốt của các đoàn thể quần chúng văn học, qua hoạt động sáng tác liên tục đã có nhiều cống hiến lớn lao, gây ảnh hưởng to lớn.

b. Sáng tác của các nhà văn trong Hội nghiên cứu văn học.

Trong sáng tác, đoàn thể đầu tiên đã kế tục và phát huy chủ trương văn học “vị nhân sinh” của *Tân thanh niên*, đạt được thành tích to lớn, đưa nền văn học mới của thời kỳ khởi xướng tiến lên phía trước chính là Hội nghiên cứu văn học.

Thông qua các tạp chí như *Tiểu thuyết nguyệt báo* và *Tùng thư* do họ biên tập xuất bản, Hội nghiên cứu văn học dần dần cuốn hút và bồi dưỡng một loạt tác giả trẻ. Sáng tác của họ phần nhiều gắn liền với cuộc sống hiện thực, miêu tả những con người và sự việc khá quen thuộc với tác giả tìm tòi xem những vấn đề như “Nhân sinh cuối cùng là cái gì” ..., từng là một thời thượng của nhiều thanh niên trí thức từ Ngũ tứ trở về sau. Tuy tư tưởng của mỗi tác giả không giống nhau, câu trả lời cũng khác nhau, nhưng thái độ bất mãn và muốn vạch trần xã hội bản thủ đen tối lúc đó của họ thì lại khá nhất trí. Một số tác phẩm (*Tự thuật ba ngày lao công* của Lợi Dân, *Bán thân bất toại*, *Dịch bệnh* của Vương Tư Điểm, *Người mua cái chết* của Lý Diểu Thế, *Một chiếc giày rách*, *Bài ca của nông thôn* của Từ Ngọc Nặc) đã phá vỡ phạm vi đề tài khá chật hẹp của đời sống trường học và luyện ái hôn nhân để viết về nỗi đau khổ và sự giãy giụa của người lao động bằng thái độ thông cảm. So với một số tác phẩm của thời kỳ đầu của cách mạng văn học, về nghệ thuật đã có bước tiến triển: thơ ca tiếp tục thoát khỏi sự ràng buộc của luật thơ cũ; tản văn đã bắt đầu vận dụng khá thành thạo bạch thoại để viết những bài trữ tình “đẹp và tinh xảo”¹. Tiểu thuyết áp dụng thủ pháp tả thực nhiều hơn, sử dụng khẩu ngữ sinh động, vẽ ra nhiều bức tranh nhân sinh sinh động rõ ràng. Tất cả những cái đó đều tỏ rõ sự cố gắng của các tác giả trong Hội nghiên cứu văn học.

Băng Tâm (Tạ Uyển Oanh) là một trong những tác giả trong Hội nghiên cứu văn học bắt đầu hoạt động sáng tác khá sớm. Những tác phẩm đầu tay (1919) của bà đăng trên *Thần báo* quá nửa cũng là tiểu thuyết luận đề. *Hai gia đình* dùng phương pháp miêu tả đối chiếu để nêu lên sự cần thiết phải cải tạo gia đình cũ xây dựng cuộc sống mới. *Con người cô độc* tiểu thuyết thông qua mâu thuẫn cha con nảy sinh từ phong trào học sinh phản đế, đã phơi bày tính đáng khinh đáng ghét của bậc phụ huynh chuyên chế, phong kiến. *Về nước* miêu tả nỗi khổ tâm của một lưu học sinh, học xong về nước có lòng yêu nước nhưng không được phát huy tài năng, đã vạch trần cái thối nát đen tối của chính quyền thống trị quân phiệt đã đến mức huỷ hoại tất cả mọi cơ hội sống còn. *Em gái của Trang Hồng*, *An nghỉ cuối cùng* lại tỏ rõ sự thông cảm chân thành đối vận vận mệnh của người phụ nữ bị áp bức và không được bình đẳng. Nhưng có điều đáng chú ý là nhân vật chính trong những tác phẩm này phần lớn là những nhân vật khá yếu ớt, họ chưa phải chịu một áp lực nặng nề nào, cũng không có bất kỳ phản kháng trực tiếp nào, họ bị thế lực cũ “không đánh mà thắng”. Tình hình này nói rõ: tác giả tuy chịu ảnh hưởng của làn sóng Ngũ tứ, đã có một số tư tưởng dân chủ thích ứng với không khí của thời đại, nhưng do cuộc sống sung túc, khuôn khổ cuộc sống chật hẹp, cách biệt với nhân dân tầng lớp dưới, khiến bà không thể có đòi hỏi phản kháng hiện thực đen tối một cách mãnh liệt. Khi cao trào Ngũ tứ qua đi thì mâu thuẫn và nỗi buồn khổ trong tư tưởng có chiều phát triển, giáo lý đạo Cơ đốc và triết học Tagor càng có ảnh hưởng sâu sắc đối với bà. Băng Tâm như sau này đã tự nói: “Rút lui chạy trốn vào trong khuôn khổ gia đình chật hẹp, miêu tả ca ngợi những tình yêu nhân loại”² mà trong xã hội không thể thực hiện được. Vì thế đã có tiểu thuyết *Siêu nhân* (tập *Siêu nhân*), *Ngộ* (tập *Vãng sự*) và các tập thơ *Phồn tinh*, *Xuân thủy*. So với tiểu thuyết và thơ mới thời kỳ đầu, tản văn của Băng Tâm đã đạt được những thành tựu khá cao. *Tiểu* (Cười) một bài viết khá sớm là một bài văn hay bằng bạch thoại nổi tiếng thời kỳ đầu của phong trào văn học mới. Những bài sau đó như *Mộng*, *Chuyện xưa*, *Gửi bạn đọc nhỏ*, *Tap ký trong núi*, cũng đem lại cho người đọc cảm giác đẹp đẽ như thơ trữ tình và tranh phong cảnh. Phần lớn chúng được viết ở nước ngoài,

¹ Lỗ tấn, *Nam xoang bắc điệu tập*: *Nguy cơ của văn tiểu phẩm*.

² *Tựa viết lấy* – Băng Tâm toàn tập. Bản in của Bắc Tân thư cục.

nhưng là nổi nhớ tổ quốc, quê hương, người thân. Tản văn của Băng Tâm, phong cách thanh thoát linh hoạt, ngôn ngữ mới mẻ, đẹp đẽ, tình cảm tinh tế chất lọc, vừa phát huy được đặc điểm lưu loát trôi chảy của văn bạch thoại, vừa tiếp thu được ưu điểm súc tích ngắn gọn của văn ngôn. Chúng thể hiện rõ phong cách độc đáo của một nhà văn nữ tài hoa.

Một tác giả vừa có thành tựu về thơ ca và tản văn là Chu Tự Thanh (1898 – 1948). Ngay năm đầu tiên Ngũ tứ ông đã làm thơ mới, là một trong những người sáng lập ra tập san *Thơ*, tập san thơ sớm nhất trong lịch sử văn học hiện đại. Các bài thơ được tập trung vào trong *Tông tích* (Tập thơ văn). Một số bài thơ ngắn vịnh vật ngụ ý (như *Những ngọn đèn ven Bắc Hà*, *Than đá*), mượn hình tượng ánh đèn, lửa than để gửi gắm tình cảm khát vọng tương lai, khao khát ánh sáng. Nhưng tác giả thật sự không biết làm thế nào để tạo ra ánh sáng, vì vậy trong một số thơ (như *Vội vàng*) thường để lộ ra nỗi băng khuâng như “tơ vương” và nỗi đau khổ sau khi vỡ mộng. Bài thơ dài *Huỷ diệt* làm năm 1922, cũng thấm đượm thứ tình cảm hiu quạnh trống rỗng này. Điều đáng quý là trong tình huống cảm thấy tiền đồ mờ mịt, nhân vật chính “Tôi” không bi quan tiêu cực, vẫn thúc giục mình tiếp tục tiến lên. Chu Tự Thanh cũng có một số thơ tả cảnh khá hay, như bài *Mưa phùn*: “Trong gió đông, lướt qua bên mặt tôi, những hạt mưa nhỏ như lông măng mùa xuân” tác giả tả dụ thoả đáng biểu hiện được cảm thụ mới mẻ, tỏ ra thanh tú đáng yêu.

Là một tác giả tiểu tư sản yêu nước, có tinh thần chính nghĩa, trong những năm trước và sau Ngũ tạp cách mạng tiến dần lên cao trào, Chu Tự Thanh đã biểu hiện khá nhiều tình cảm phản đế phản phong mãnh liệt. Điều này còn để lại dấu ấn trong một số thơ văn viết từ năm 1924.

Vương Thống Chiếu (1897 – 1957) chủ yếu tham gia sáng tác tiểu thuyết và thơ ca, những năm đầu Ngũ tứ cũng đã từng lấy “cái đẹp” và “tình yêu” làm phương thuốc chữa chạy khiếm khuyết, làm đẹp nhân sinh. Quỳnh Dật, cô gái làm nghề người mẫu trong truyện ngắn *Trầm tư*, muốn mượn sức mạnh của nghệ thuật đem lại ánh sáng cho cuộc đời, không muốn bị người khác chiếm làm của riêng, đó chính là sự hoá thân trong lý tưởng của tác giả. Trong các truyện ngắn như *Sau mưa tuyết*, *Đêm mưa xuân*, tác giả với tâm trạng thất vọng và buồn khổ, đã biểu hiện chủ đề: nguyện vọng tốt đẹp không thể không bị tan vỡ trước hiện thực tàn ác. Trong truyện vừa đầu tiên *Một cái lá*, nỗi thất vọng với cuộc đời đã khiến cho tác phẩm phần nào mang màu sắc bi quan. Nhưng những điều này cũng chính là khởi điểm của “Suy nghĩ của tác giả dần dần biến đổi”. Truyện vừa *Hoàng hôn* in trên *Tiểu thuyết nguyệt báo* năm 1923 đã vạch trần hành động tội ác của địa chủ. Và qua một số tác phẩm, từ truyện ngắn *Tiếng nói bên hồ* đến hai tập *Tiếng gào thét*, *Dấu sưng* ta càng có thể nhận thấy tác giả dần dần chuyển sang tố cáo và bộc lộ hiện thực bất công.

Người có tác phẩm giàu ảo tưởng, phong cách cũng rất khác với Vương Thống Chiếu, là Hứa Địa Sơn (Lạc Hoa Sinh, 1893-1941). Ông sớm chịu ảnh hưởng của tư tưởng Phật giáo. Truyện ngắn đầu tiên *Mệnh mệnh diểu*, mô tả bi kịch một đôi bạn tình trẻ trung bị bức tự sát để tố cáo chế độ hôn nhân phong kiến. *Con nhện và lưới*, thông qua sự từng trải trong nửa cuộc đời của nữ nhân vật chính Thượng Khiết, đã thể hiện ách áp bức nặng nề mà người phụ nữ phải chịu đựng trong xã hội nam quyền phong kiến. *Vợ người lái buôn*, tác giả biểu thị sự thông cảm và thương xót đối với số phận một người đàn bà sau khi bị bán phải lưu lạc đất khách quê người, nếm đủ mùi đắng cay. Những tác phẩm tập hợp trong tập truyện ngắn *Con nhện và lưới* này, thường lấy Phúc Kiến, Quảng Đông, Quảng Tây hoặc Ấn Độ làm bối cảnh, đậm đà màu sắc địa phương, tình tiết câu chuyện khúc chiết, ngôn ngữ trôi chảy, sáng sủa, tính cách nhân vật kiên nhẫn chất phác, giàu nghị lực nhưng thường có màu sắc thành kính của tôn giáo và tư tưởng của thuyết định mệnh, rất ít khi đối mặt chống lại hiện thực bất công. Truyện ngắn *Đào mùa xuân* in năm 1934, tuy có chỗ đau thương chua xót mà vẫn cười vui vẻ, nhưng đã mô tả sinh động tình cảm thuần hậu của những người lao động gặp cảnh ngộ khốn khổ và phẩm chất cao thượng của họ, thật sự tạo ra được hình tượng người phụ nữ lao động hiền lành, kiên cường, phóng khoáng, dữ dội. Điều đó